

Phụ lục I

DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG VẮC XIN COVID-19 THEO LỘ TRÌNH SỬ DỤNG VẮC XIN**Kế hoạch tiếp nhận, bảo quản, phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 giai đoạn 2021-2022 do COVAX Facility hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kon Tum***(Kèm theo Kế hoạch số 1145 /UBND-VX ngày 09/4 /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

TT	Huyện/ thành phố	Số xã	Nhóm đối tượng ưu tiên													Tổng số đối tượng cần tiêm
			Đợt 1/2021			Đợt 2/2021				Đợt 3/2021						
			Người làm việc trong các cơ sở y tế	Người tham gia phòng chống dịch	Tổng đợt 1	Đối tượng ngoại giao, hải quan, xuất nhập cảnh	Người cung cấp dịch vụ thiết yếu hàng không, vận tải, du lịch; cung cấp dịch vụ điện, nước...	Giáo viên, người làm việc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo	Tổng đợt 2	Giáo viên, người làm việc tại các cơ sở giáo dục, đào tạo (tt)	Người mắc các bệnh mãn tính, người trên 65 tuổi	Người sinh sống tại các vùng có dịch	Người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội	Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi công tác, học tập, lao động ở nước ngoài	Tổng đợt 3	
A	B	C	1	2	3=1+2	4	5	6	9=4+.8	10	12	13	14=10+...13	15=3+9+14		
1	Thành phố Kon Tum	21	1,601	1,268	2,869	0	403	1,841	2,244	1,841	15,067	0	5,488	0	22,396	27,508
2	Đăk Hà	11	158	1,344	1,502	0	15	984	999	984	5,583	0	5,020	0	11,587	14,087
3	Đăk Tô	9	159	998	1,157	0	172	634	806	634	5,317	0	2,658	0	8,609	10,572
4	Tu Mơ Rông	11	149	650	799	0	117	607	724	607	2,217	0	9,751	0	12,575	14,097
5	Ngọc Hồi	8	308	1,077	1,385	43	30	713	786	713	4,567	0	1,650	0	6,930	9,101
6	Đăk Glei	12	205	1,283	1,488	0	204	719	923	719	4,301	0	6,769	0	11,789	14,199
7	Kon Rẫy	7	189	379	568	0	32	541	573	541	2,224	0	6,679	0	9,444	10,584
8	Kon Plông	9	139	760	899	0	0	450	450	450	1,719	0	2,466	0	4,635	5,983
9	Sa Thầy	11	190	996	1,186	0	120	797	917	797	4,401	0	3,502	0	8,700	10,802
10	Ia H'Drai	3	76	249	325	0	15	216	231	216	998	0	2,674	0	3,888	4,444
Cộng: 10 huyện/TP		102	3,174	9,004	12,178	43	1,108	7,499	8,650	7,499	46,394	0	46,657	0	100,550	121,377

Phụ lục II
NHU CẦU VẮC XIN, VẬT TƯ TIÊM CHỦNG
Kế hoạch tiếp nhận, bảo quản, phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 giai đoạn 2021-2022 do COVAX Facility hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Kèm theo Kế hoạch số 1145 /KH-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Huyện/ thành phố	Số xã	Số đối tượng theo đợt				Nhu cầu vắc xin theo đợt				Nhu cầu vật tư tiêm chủng				Nhu cầu biểu mẫu					
			Đợt 1/2021	Đợt 2/2021	Đợt 3/2021	Tổng cộng	Đợt 1/2021	Đợt 2/2021	Đợt 3/2021	Tổng cộng	BKT 0,5ml	Hộp an toàn	Bông	Cồn	Giấy mời	Giấy xác nhận đã tiêm	Phiếu điều tra	Phiếu sàng lọc trước TC vắc xin phòng COVID- 19	Phiếu đồng ý tham gia TC vắc xin COVID- 19	Mẫu báo cáo tổng kết
1	TP.Kon Tum	21	2,869	2,244	22,396	27,508	6,312	4,936	49,270	60,518	57,490	57	44	133	57,490	28,745	2,300	57,490	57,490	52
2	Đăk Hà	11	1,502	999	11,587	14,087	3,304	2,197	25,490	30,991	29,440	29	23	68	29,440	14,720	1,180	29,440	29,440	32
3	Đăk Tô	9	1,157	806	8,609	10,572	2,545	1,773	18,940	23,258	22,100	22	17	51	22,100	11,050	880	22,100	22,100	28
4	Tu Mơ Rông	11	799	724	12,575	14,097	1,758	1,592	27,664	31,013	29,460	29	23	68	29,460	14,730	1,180	29,460	29,460	32
5	Ngọc Hồi	8	1,385	786	6,930	9,101	3,047	1,729	15,246	20,022	19,020	19	15	44	19,020	9,510	760	19,020	19,020	26
6	Đăk Glei	12	1,488	923	11,789	14,199	3,274	2,030	25,935	31,238	29,680	30	23	69	29,680	14,840	1,190	29,680	29,680	34
7	Kon Rẫy	7	568	573	9,444	10,584	1,250	1,260	20,776	23,285	22,120	22	17	51	22,120	11,060	880	22,120	22,120	24
8	Kon Plông	9	899	450	4,635	5,983	1,978	989	10,196	13,163	12,500	13	10	29	12,500	6,250	500	12,500	12,500	28
9	Sa Thầy	11	1,186	917	8,700	10,802	2,609	2,016	19,139	23,764	22,580	23	17	52	22,580	11,290	900	22,580	22,580	32
10	Ia H'Drai	3	325	231	3,888	4,444	715	508	8,554	9,777	9,290	9	7	22	9,290	4,645	370	9,290	9,290	16
Cộng: 10 huyện/TP		102	12,178	8,650	100,550	121,377	26,792	19,029	221,209	267,029	253,680	254	196	587	253,680	126,840	10,140	253,680	253,680	304

Số vắc xin (liều) = Số đối tượng x 2 liều x Tỷ lệ tiêm chủng dự kiến (95%) x Hệ số sử dụng vắc xin (1).
Số bom kim tiêm tự khóa 0,5ml (cái) = Số đối tượng x 2 x Tỷ lệ tiêm chủng dự kiến (95%) x Hệ số hao phí sử dụng (1,1).
Số hộp an toàn = Tổng số bom kim tiêm/100 x Hệ số hao phí sử dụng (1,1).